TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 8 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đẳng;

Ông Đoàn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng A, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N trình bày: Do mai mối nên chị và anh Võ Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Do quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị đã nhiều lần yêu cầu ly hôn nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về tiền bạc, công việc kinh tế mỗi người làm riêng, anh Hoàng A có lời lẽ xúc phạm chị khi vợ chồng cự cãi. Gia đình bên chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không hòa giải được. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Hoàng A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Trường P sinh ngày 20/11/2004 và Võ Thúy D sinh ngày 22/3/2007 hiện đang chung sống với vợ chồng. Chị yêu cầu được nuôi hai con chung, trường hợp cả hai cùng sống chung với chị thì chị yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ xảy ra gần hai năm nay, do điều kiện làm ăn nên dẫn tới anh không thường xuyên ở nhà. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng đến phải ly hôn do đó anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung như trên. Nếu được anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa, cháu Võ Trường P có nguyện vọng sống với cha khi cha mẹ không còn chung sống với nhau. Cháu Võ Thúy D có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ không chung sống với nhau.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án, các đương sự có mặt đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Chị N và anh Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh Hoàng A là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, tại phiên tòa, chị N vẫn giữ yêu câu được ly hôn với anh Hoàng A, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 57, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh Hoàng A. Về con chung giao con chung tên Võ Trường P, sinh năm 2004 cho anh Hoàng A nuôi dưỡng, giao con chung tên Võ Thúy D, sinh năm: 2007 chị N nuôi dưỡng, do các bên có thu nhập không ổn định và cùng nuôi 1 con chung nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc N được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Võ Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Ngọc N và anh Võ Hoàng A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Nguyễn Ngọc N và anh Võ Hoàng A xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được. Anh Hoàng A không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng hiệu quả. Theo quy định của Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…" Tuy nhiên, tại phiên tòa, qua lời trình bày của anh Hoàng A và chị N cho thấy giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được, tại phiên toà, chị N xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh Hoàng A và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng A, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Hoàng A là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Võ Trường P có nguyện vọng sống với anh Hoàng A, Võ Thúy D có nguyện vọng sống với chị N, sau khi ly hôn. Xét điều kiện nuôi con của chị N và anh Hoàng A là như nhau, nên giao mỗi người nuôi một con chung theo nguyện vọng của con chung là phù hợp. Vì vậy, giao Võ Trường P, sinh năm: 2004 cho anh Hoàng A nuôi dưỡng, giao Võ Thúy D, sinh năm: 2007 cho chị N nuôi dưỡng. Về nghãi vụ cấp dưỡng: Xét thấy thu nhập của cả hai không ổn định và mỗi người được giao nuôi một con chung nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng chị Nguyễn Ngọc N và anh Võ Hoàng A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Võ Hoàng A xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc N được ly hôn với anh Võ Hoàng A.

- Con chung: Giao con chung tên Võ Trường P, sinh năm 2004 cho anh Võ Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Võ Thúy D, sinh năm 2007 cho chị Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung không trực tiếp nuôi, anh Võ Hoàng A và chị Nguyễn Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc N, anh Võ Hoàng A xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Ngọc N phải nộp 300.000 đồng, chị Nguyễn Ngọc N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004389 ngày 22/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qu y định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu:Hồ sơ, văn thư.

Huỳnh Việt Hằng